

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2023/DS-ST

Ngày: 09/3/2023

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Nguyễn Yên Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Văn Te

2. Ông Phạm Quốc Toàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Như Thắm

Ngày 09/3/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2023/TLST-DS, ngày 05/01/2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2023/QĐXXST-DS ngày 15/02/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2023/QĐST-DS ngày 22/02/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: bà Đỗ Thị L, sinh năm 1969

Địa chỉ: số 298, tổ 16, ấp T, xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre

- Bị đơn: bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1965

Địa chỉ: ấp T, xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre

Bà L có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt; bà Đ vắng mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn bà Đỗ Thị L trình bày:

Do có quen biết quan hệ làm ăn với nhau nên bà L có cho bà Nguyễn Thị Đ mượn tiền như sau:

Ngày 15/01/2022 âm lịch mượn 50.000.000 đồng

Ngày 21/4/2022 âm lịch 50.000.000 đồng

Cả 2 lần vay bà Đ đều có viết giấy xác nhận mượn tiền, mục đích vay là trả đáo hạn Ngân hàng, bà Đ cam kết trong giấy mượn tiền sau 3 tháng sẽ trả tiền cho bà L nhưng đến nay không trả. Bà L có đến nhà và điện thoại nhiều lần yêu cầu bà Đ trả tiền nhưng bà Đ cứ hẹn lần hẹn lượt. Nay bà L yêu cầu bà Nguyễn Thị Đ trả cho bà L số tiền 100.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Do bận công việc nên bà L có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt bà.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ bị đơn bà Nguyễn Thị Đ đến để tiến hành hòa giải nhưng bà Đ vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa hôm nay,

Nguyên đơn bà Đỗ Thị L có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như ban đầu.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào lời trình bày của đương sự; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Bà Đỗ Thị L khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Đ trả cho bà L số tiền vay còn nợ. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Đây là tranh chấp giữa cá nhân với cá nhân không có đăng ký kinh doanh nên được xác định là vụ án dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Đ có địa chỉ cư trú tại ấp T, xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện G thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

- Bà Đỗ Thị L có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà L.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Đ.

[2] Về nội dung:

Bà Đỗ Thị L khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Đ trả cho bà L số tiền vay còn nợ là 100.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp cho Tòa án là “Giấy mượn tiền” do bà Đ viết và ký tên. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, thông báo cho bà Đ biết về việc bà L khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bà Đ. Tuy nhiên, bà Đ không đến Tòa án làm việc và cũng không có gửi bất kỳ văn bản nào trình bày ý kiến của mình cũng như không phản đối những tình tiết, sự kiện mà bà L đưa ra. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định đây là tình tiết không phải chứng minh.

“Giấy mượn tiền” do bà Đ viết và ký tên thể hiện:

“Tôi tên: Nguyễn Thị Đ có mượn tiền chị Đỗ Thị L. Tháng trả ân = 50.000.000 (năm chục chẵn) ngày rằm ân 15.

Ngày 21-4-2022 mượn thêm: 50.000.000 (năm chục chẵn)

Trả ba tháng hoàn lại”

Căn cứ vào “Giấy mượn tiền” nêu trên nhận thấy: trước ngày 21/4/2022 bà Đ có mượn bà L số tiền 50.000.000 đồng, đến ngày 21/4/2022 bà Đ mượn thêm bà L số tiền 50.000.000 đồng và hứa 3 tháng sau sẽ hoàn trả lại. Như vậy, có cơ sở xác định giữa bà Đỗ Thị L và bà Nguyễn Thị Đ có xác lập và thực hiện hợp

đồng vay tài sản, đây là hợp đồng vay có kỳ hạn và không có lãi suất. Hợp đồng vay giữa các bên được giao kết trên cơ sở tự nguyện, không ai bị lừa dối hoặc bị ép buộc, các bên đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên đây được xem là hợp đồng hợp pháp có hiệu lực pháp luật ràng buộc quyền và nghĩa vụ của các bên. Bà L cho rằng khi đến hạn trả tiền bà L có đến nhà và điện thoại nhiều lần yêu cầu bà Đ trả tiền nhưng bà Đ cứ hẹn lần hẹn lượt. Xét thấy việc bà Đ không trả nợ cho bà L khi đến hạn theo hợp đồng đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà L. Do đó, việc bà L khởi kiện yêu cầu bà Đ trả nợ là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét việc bà L không yêu cầu tính lãi đối với số tiền 100.000.000 đồng là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Về án phí:

Do yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị L được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định pháp luật là: 100.000.000 đồng x 5% = 5.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thị L đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Đ về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, cụ thể:

Buộc bà Nguyễn Thị Đ có trách nhiệm trả cho bà Đỗ Thị L số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng, ghi nhận việc bà L không yêu cầu tính lãi đối với số tiền này.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.000.000 (năm triệu) đồng.

Chi cục Thi hành án dân sự huyện G hoàn lại cho bà Đỗ Thị L số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 2.500.000 (hai triệu năm trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0000038 ngày 03/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G.

3. Về quyền kháng cáo: các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đào Nguyễn Yến Phương